

## BÀN VỀ THẾ NÀO LÀ DO THÁI GIÁO

CHU NGHIỆP PHIÊN<sup>(\*)</sup>

... Thế nào là Do Thái giáo? *Từ điển tôn giáo* giải thích là "tôn giáo của người Do Thái ở các nơi trên thế giới, thờ Jêhova là "chân thân duy nhất". Người Do Thái là con dân được Jêhova lựa chọn, giáo lí giáo quy là do Jêhova truyền xuống thông qua Môisê". Đoạn văn giải thích này giống với giải thích của *Từ Hải. Tôn giáo đại từ điển* bản mới, sửa đổi rằng Do Thái giáo là "Tôn giáo của người Do Thái các nơi trên thế giới, là một trong những tôn giáo dân tộc của thế giới cổ đại. Rằng người Do Thái là **con dân đặc tuyển** của Jêhova **chân thân duy nhất**. Việc lập giao ước với Thượng Đế bắt đầu từ Abraham tổ tiên của người Do Thái..." Còn *Trung Quốc Đại bách khoa toàn thư* thì đơn giản hoá là "tôn giáo mà người Do Thái các nơi trên thế giới tôn thờ"...

Nhưng với tư cách là đối tượng nghiên cứu, trước hết cần có một giới định, đây là tiền đề tất yếu. Đối với hiện tượng phức tạp nhưng rộng lớn, trước hết cũng cần có giới định chung. Trong các định nghĩa đã nêu trên, chúng tôi có thể khẳng định hai điểm cơ bản nhất: 1, Do Thái giáo là tôn giáo độc thần hoặc tôn giáo độc thần luân lí; 2, Do Thái giáo là tôn giáo mà người Do Thái tôn thờ. Điểm sau sẽ bàn cùng với tính dân tộc Do Thái ở phần sau, còn điểm trước là chỉ tính chất của Do Thái giáo. Do Thái giáo, Kitô giáo và Islam

giáo thuộc vào loại ba tôn giáo độc thần trên thế giới. Nhìn từ lịch sử, cả ba đều bắt nguồn từ cùng một vùng đất trên thế giới: Trung Đông. Dẫn chứng rõ ràng nhất là ba tôn giáo căn cứ vào truyền thuyết tôn giáo của mình, đều tôn Jerusalem là Thánh địa. Jerusalem từng là nơi có đền thờ Do Thái giáo, địa điểm trung tâm mà Do Thái giáo cổ đại hiến tế và hành hương. Kitô giáo cho rằng đây là vùng đất Chúa Cứu thế Kitô Chris chịu nạn và phục sinh bay về trời. Islam giáo thì tin rằng tiên tri Mohamed đang đem đến đó để lên trời và thời kì đầu đã coi nơi này là nơi hành hương lễ bái. Đối với người Do Thái giáo, loại truyền thuyết tôn giáo và nội dung lịch sử này đặc biệt quan trọng. Từ sau khi đền thờ bị phá huỷ, người Do Thái dần dần bị lưu tán khắp nơi trên thế giới, Jerusalem trở thành nhân chứng sống của lịch sử và trung tâm phục hưng tôn giáo của Do Thái giáo. Trong lịch sử tôn giáo, Do Thái giáo là tôn giáo độc thần thuần túy bậc nhất. Nói nó "thuần túy" chỉ là so với các tôn giáo đa thần thịnh hành ở thế giới cổ đại. Abraham đoạn tuyệt với tôn giáo

\*. Nhà nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc. Bài viết đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo thế giới*, quý 2 năm 2000 (tiếng Trung), Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* xin trích đăng bài viết này qua bản dịch của Trần Anh Đào.

Mesopotami, có thể nói ông ta tôn thờ tôn giáo bộ lạc "độc thần". Môisê được nhiều học giả khen là "người gây dựng nên tôn giáo độc thần Israel", nhưng theo ghi chép của Kinh Thánh về liên minh bộ lạc và thời kì nước quân chủ, tôn giáo độc thần được kiến lập triệt để vẫn phải tiến hành đấu tranh trong lâu dài và đau khổ. Vì thế, Do Thái giáo thời kì Môisê, đặc trưng của quan hệ giao ước giữa người Israel là "sùng bái độc thần". Sự phát triển từ sùng bái độc thần đến tôn giáo độc thần phải là sản phẩm của sự va chạm lẫn nhau giữa các loại khái niệm tôn giáo với tín ngưỡng và sự chất lọc không ngừng trong nhiều thế kỉ. Kinh Thánh thông qua việc phủ định tất cả các thần linh khác, đạt đến tính duy nhất của Thiên Chúa, từ đó đã có miêu thuật rõ ràng lí luận về tôn giáo độc thần, đồng thời với trình độ mà tất cả các tôn giáo lúc đó chưa có được, đã nhấn mạnh nhân tố đạo đức. Vì thế Do Thái giáo thường được gọi là "tôn giáo độc thần luân lí". Kitô giáo xuất hiện sau khi sự phát triển này của Do Thái giáo hoàn thành, ban đầu nó là một phái của Do Thái giáo. Paul, người Do Thái đã tích cực truyền giáo cho người ngoại tộc, đã phủ nhận luật pháp Môisê, gọi tín đồ Kitô giáo là "người Israel của Thiên Chúa"<sup>(1)</sup>. Ông ta dựa vào sự "tinh ý" giữ vững tính quyền uy của Kinh Thánh Hêbrơ, nhưng loại bớt câu chữ của nó, từ đó làm cho Kitô giáo thoát li Do Thái giáo, phát triển theo phương hướng mới, trở thành tôn giáo thế giới, nhưng nó đã kế thừa toàn bộ quan niệm độc thần và Kinh Thánh của Do Thái giáo, và nhờ vào "bản dịch tiếng Hy Lạp 70" Kinh Thánh của người Do Thái cùng với Philo của Alexandria để điều

hoà với Do Thái giáo và triết học Hy Lạp, tiến hành dung hợp với văn hoá phương Tây. Vì thế Kitô giáo thường được gọi là "con riêng" của Do Thái giáo. Đến thế kỉ VII, Islam giáo hưng khởi, đặc trưng tôn giáo độc thần càng rõ ràng. "Đạo chính thống" được tuyên bố trong kinh Coran, từ Adam, Noah, Abraham, Môisê cho đến Giêsu đều là tiên tri được trời phái xuống, còn Mohamed chính là vị cuối cùng thuộc "Đạo chính thống" này, là "tiên tri được phong ấn". Nhưng Do Thái giáo và Kitô giáo rốt cuộc có ảnh hưởng gì đối với sự hưng khởi của Islam giáo vẫn là vấn đề chưa sáng tỏ. Về mặt nguồn gốc và kết cấu Islam giáo và Do Thái giáo có nhiều chỗ tương tự hơn. "Tôn giáo của Abraham" mà kinh Coran nhấn mạnh tựa hồ có thể lí giải là nguồn gốc chung của ba tôn giáo. Đối với Do Thái giáo, từ sau khi Kitô giáo và Islam giáo hưng khởi, nó từ một tôn giáo độc thần duy nhất trong thế giới tôn giáo đa thần, đã biến thành phe thiểu số trong thế giới tôn giáo độc thần. Trên thực tế Do Thái giáo rất ít phát triển và chưa từng hưng thịnh ở ngoài thế giới Kitô giáo và Islam giáo. Do Thái giáo đạt được sự phát triển trong sự va chạm lẫn nhau và tiếp xúc mật thiết với Kitô giáo và Islam giáo, giữa các bên đều phát sinh ảnh hưởng lẫn nhau ở một số phương diện quan trọng nào đó. Vì thế nhìn từ lịch sử, quy cả ba tôn giáo này vào gia đình tôn giáo độc thần cũng hoàn toàn có giới hạn.

Nếu làm một phép so sánh về mặt tín ngưỡng giáo lí, cách nói trên gần như đã có thêm luận cứ. Tín ngưỡng cơ bản của ba tôn giáo này, nếu không phải là một

1. *Tân Ước Toàn thư. Galát 6: 16.*

thì cũng tương tự một cách rõ rệt. Xuất phát điểm của cả ba đều là tin theo vị thần độc nhất vô nhị, không thể so sánh. Vị thần này (Đấng Sáng Thế hoặc Thiên Chúa) không có hình thể, không có phương vị, tự tại hiện hữu, tồn tại vĩnh cửu; ông ta toàn trí toàn năng, hết sức nhân từ, không những bằng trí tuệ và quyền năng của mình sáng tạo ra thế giới và loài người mà còn dùng sự công bằng và nhân từ làm chúa tể của thế giới và loài người. Sau khi sáng tạo ra thế giới Đấng Sáng Thế tiếp tục quan tâm đến vận mệnh và phúc lợi của tạo vật, không ngừng thông qua khải thị, răn bảo, khuyến thiện trừng ác, v.v... làm cho loài người biết rõ ý chí của mình, dẫn dắt tạo vật. Vì thế trong ba tôn giáo này, có thể nói lịch sử là sự thể hiện ý chí của Đấng Sáng Thế. Ngài không chỉ sáng tạo ra thế giới tự nhiên và quy luật tự nhiên mà còn đặt ra quy phạm đạo đức và trật tự xã hội tương ứng, con người phải tuân theo. Lời răn và pháp luật Đấng Sáng Thế đã khải thị cho con người cùng những phép tắc hành vi hình thành từ đó trong chi tiết thực tế cũng đều rất giống nhau. Quan niệm tôn giáo độc thần của cả ba đều chịu ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai như triết học Hy Lạp cổ đại, có quá trình biến hoá không ngừng. Trong đó, quan niệm của Do Thái giáo tương đối đơn giản. Trong Kinh Thánh đã lưu lại dấu vết diễn biến rõ ràng. Kitô giáo kiên trì Thiên Chúa độc nhất Tam vị nhất thể, hình thành thứ thần học phức tạp nhưng huyền diệu. Trong lịch sử, giáo lí Tam vị nhất thể từng bị coi là **Độc thần đa hình luận**, cũng bị công kích là **Tam thần luận**. **Độc thần luận** của Islam, có người cho là giải thích triệt để nhất,

tuân thủ chữ nghĩa nhất. Nhưng ba tôn giáo này đều kiên trì độc thần luận mang tính bài ngoại. Thiên Chúa vượt ra ngoài vạn vật, vừa quán xuyên bên trong vạn vật, tức là vừa có tính ngoại tại vừa có tính nội tại. Vì thế nó khác với **Phiếm thần luận** cho rằng có thần phi nhân cách ở bên trong vạn vật, cũng khác với **Tự nhiên thần luận** tin rằng thần ở bên ngoài thế giới. Có lẽ do sự tiếp xúc mật thiết trong lịch sử, giữa ba tôn giáo thường không ngừng nảy sinh tranh luận về giáo lí, có lúc dẫn đến bức hại tôn giáo kịch liệt và tàn khốc. Do Thái giáo thường là kẻ bị thiệt hại nhất. Như vậy, sự chia rẽ về giáo lí giữa ba tôn giáo được đặt lên vị trí nổi bật, do đó mà che lấp chỗ nhất trí của cả ba. Nhưng cho dù đưa ra so sánh qua loa ba tôn giáo này với các tôn giáo trên thế giới, mọi người lập tức sẽ phát hiện ra cơ sở chung giữa ba tôn giáo Do Thái, Kitô và Islam, không phải là ngẫu nhiên, thêm thắt vào, mà là điều cơ bản, nội tại và tính thực chất.

Quan hệ giữa Do Thái giáo với Kitô giáo và Islam giáo thường được bàn đến nhưng lại không nói rõ ràng chính xác, gây được chú ý nhưng lại dễ dẫn đến tranh luận. Trong các tác phẩm lịch sử tôn giáo, Kitô giáo và Islam giáo đều có thời kì khởi nguyên rõ ràng xác thực và đều thừa nhận có "tiền sử" quan trọng. Vì thế, cách nói "tiền Kitô giáo" và "tiền Islam giáo" được công nhận ở hàm nghĩa học thuật và cũng lưu hành trong thực tế. Do Thái giáo tuy có lịch sử lâu đời, nhưng lại có xuất phát điểm hoài nghi cũng không dễ. Thuật ngữ "tiền Do Thái giáo" hầu như không có người sử dụng. Kitô giáo đầu tiên là một giáo phái nhỏ của Do

Thái giáo, về sau đã tiếp nhận toàn bộ Kinh Thánh của Do Thái giáo. Theo Kitô giáo, "Kinh Thánh Hêbrơ" chỉ là một phần trong Kinh Thánh của Kitô giáo, gọi là Cựu Ước. Còn Do Thái giáo thì cho rằng, đồng thời với việc trao pháp luật thành văn trên núi Xinaï, Thiên Chúa còn trao pháp luật truyền miệng. Kinh Thánh Hêbrơ thuộc về tôn giáo có bản chất, quyển sau là sự mở rộng và ứng dụng đối với quyển trước. Nhưng nhìn từ Kitô giáo, "Kinh Thánh Hêbrơ là nguồn gốc sâu xa quan trọng của Kitô giáo, có khuynh hướng được coi là "tiền Kitô giáo" hoặc văn hiến "của Do Thái giáo". Vì thế trong khái niệm Kitô giáo, từ Do Thái giáo thường chỉ "tiền sử" của Kinh Thánh Kitô giáo, hoặc nhiều hơn nữa là chỉ tôn giáo của người Do Thái tồn tại trong thời đại Kitô. Chính ở ý nghĩa này có người cho rằng, Do Thái giáo là "tôn giáo mẹ" của Kitô giáo. Nhưng Kitô giáo chỉ thừa nhận Do Thái giáo là một nhân chứng cứng nhắc của "Cựu Ước" Do Thái giáo, mà người kế nối chính thống duy nhất là bản thân Kitô giáo. Tình hình của Islam giáo cũng tương tự như vậy. Cho dù Islam giáo thừa nhận Abraham, Môisê, Giêsu là tiên tri, nhưng nó tuyên bố Mohamed là "tiên tri được phong ấn", lời khải thị mới nhắc lại rõ ràng lời khải thị trước đó, đồng thời đã sửa đổi lại những vấn đề khúc chiết do đó đã vượt ra ngoài Do Thái giáo và Kitô giáo...

\*

\*            \*

Thông qua việc so sánh Do Thái giáo với Kitô giáo và Islam giáo, chúng ta có thể quy Do Thái giáo vào loại tôn giáo độc

thần. Nhưng nếu chúng ta tiến thêm một bước coi cả ba là sự vật có bản chất đồng nhất, thì sẽ sinh ra hiểu lầm. Khi mọi người dùng tôn giáo để định nghĩa Do Thái giáo, người Do Thái thường muốn nói rằng Do Thái giáo không hoàn toàn là một tôn giáo, hơn nữa nó còn là một phương thức sinh hoạt, tình trạng này cũng có ở Islam giáo... Chiếm vị trí hạt nhân trong Do Thái giáo là luật pháp, giới răn của luật pháp đã quy phạm tất cả các hành vi của tập thể và cá nhân. Trên thực tế, trong tiếng Hêbrơ hoàn toàn không có từ "thần học", cũng chính là nói, thần học trong ý nghĩa Kitô giáo không tồn tại ở Do Thái giáo. Vì "đối với người Do Thái, điều quan trọng là mọi người hành động như thế nào; còn đối với tín đồ Kitô giáo thì họ tin như thế nào"<sup>(2)</sup>. Sự khác biệt giữa Do Thái giáo và Kitô giáo đã phản ánh sự khác biệt giữa các nền văn hoá khác nhau và đề cập đến vấn đề lí luận trọng yếu trong nghiên cứu tôn giáo. Ví dụ về định nghĩa tôn giáo, giới học thuật không chỉ có ý kiến bất nhất mà ngày càng có xu hướng đa nguyên hoá. Những vấn đề này không tiện bàn luận ở đây, nhưng cần phải chỉ ra. Là học giả Trung Quốc, cần xem xét lại khái niệm và phương pháp nghiên cứu về tôn giáo với góc nhìn văn hoá thế giới đa nguyên, đưa ra được kết luận của mình. Nếu không, sẽ dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong nghiên cứu học thuật. Đối với Do Thái, từ *tôn giáo* luôn là từ ngoại lai, thậm chí sau khi đối thoại với Kitô giáo, người Do Thái mới thừa nhận và sử dụng từ này. Trong tiếng Hêbrơ thực sự không

2. *Thẩm phán Do Thái giáo*. Nhà xuất bản Đại học Đông Sơn, tháng 4 năm 1996, tr. 54.

có từ đối ứng với *tôn giáo*. Từ *dat* trong tiếng Hêbrơ hiện đại dùng để phiên dịch từ *Religion*, nó được truyền từ tiếng Ba Tư trung cổ vào khoảng cuối thời đại Kinh Thánh. Chính xác mà nói, nghĩa gốc của nó phải thuộc về lĩnh vực pháp luật mà không phải là tín ngưỡng. Từ *dat Yehudi* được phát hiện trong *Sách Mishna* thiên thứ ba *Phụ nữ* quyển thứ hai, phần *Hôn ước*, có nghĩa chỉ luật pháp Do Thái giáo và tập tục, lễ nghi trong trường hợp cụ thể. Một từ khác tiếp cận hơn là *Emunah*, nghĩa cơ bản trong Kinh Thánh là "vững tin", "tín phục", chỉ thái độ tin vào Thượng Đế và tin chắc rằng lời hứa của ông ta cuối cùng sẽ được thực hiện. Về sau, tuy dùng để biểu thị tín ngưỡng tôn giáo, nhưng ý nghĩa cơ bản của nó vẫn là tin cậy. Cho dù là một từ Do Thái, tiếng Hêbrơ *Yahadut* không thấy trong Kinh Thánh mà chỉ thấy trong văn hiến Do Thái giáo trung thế kỉ, ví dụ ngẫu nhiên phát hiện trong Kinh Thánh chú giải của Ibn Ezra (*Đệ nhị luật chú giải*, 21:13). Đến cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, từ này bắt đầu được thường xuyên sử dụng, nghĩa của từ cũng biến đổi phức tạp. Nó là danh từ trừu tượng, nghĩa gốc không phải là chỉ tín ngưỡng mà gần như với ý "người Do Thái cùng chấp nhận", "thân phận người Do Thái". Cùng với sự giải phóng chính trị xuất hiện thời bấy giờ, người Do Thái bước vào một xã hội mở đã gặp phải một tình hình chưa từng thấy trước đó, đó là cùng với việc tiếp tục bảo vệ thân phận người Do Thái, việc loại bỏ một phần hoặc toàn bộ mối liên hệ với truyền thống tôn giáo trở thành điều có thể. Do trong tiếng Hêbrơ chưa từng có từ "Do Thái giáo", nên cũng

thiếu mất khái niệm "Do Thái giáo" đối ứng với "Kitô giáo" ở ý nghĩa thông thường. *Yahadut* từ nghĩa "người Do Thái chấp nhận", "điều kiện trở thành một người Do Thái", vào thời cận đại được dành cho ý nghĩa "Do Thái giáo". Nó khác với từ *Mityadim* (trở thành người Do Thái), cũng có khác với từ *dat Yahudi* (luật pháp Do Thái) trong văn hiến Rabbi. Từ *Yahadut* hiện nay, trên thực tế bao hàm ba tầng nghĩa tương đương ba từ trong tiếng Anh mà không phải là tiếng Hêbrơ: *Judaism* (Do Thái giáo), *Jewishness* (tính Do Thái) và *Jewry* (người Do Thái). *Tính Do Thái* là để chỉ bao hàm tất cả thuộc tính của người Do Thái, đặc trưng tổng hợp từ văn hoá, đạo đức đến sự vật thể tục. Do Thái giáo truyền thống tôn giáo bắt nguồn từ thời đại Kinh Thánh, đối ứng với Kitô giáo. Trên thực tế, đặc trưng của dân tộc Do Thái và truyền thống tôn giáo của nó từ xưa đến nay kết hợp nhau không thể tách rời; tất cả sự việc ở Do Thái giáo đã được thần thánh hoá, vì thế đối với người Do Thái, đi phân chia thần thánh với thế tục là hiểu sai về Do Thái giáo. Từ tiếng Anh *Judaism* đối ứng với *Yahadut* bắt nguồn ở từ *Judaismos* tiếng Hy Lạp, ban đầu thấy ở người Do Thái nói tiếng Hy Lạp dùng vào thế kỉ I sau công nguyên, vừa biểu thị tôn giáo vừa biểu thị dân tộc. Người Do Thái Hy Lạp hoá có lúc lấy từ đó để biểu thị tín ngưỡng và thực tiễn của người Do Thái (*Macôbê*, quyển thứ hai, 2:21, 8:1; 14:38, *Sách Êt-te* 7:11). Từ trung thế kỉ trở đi, tín đồ Kitô giáo luôn sử dụng từ "Do Thái giáo" để phân biệt với hệ thống tín ngưỡng của mình, còn người Do Thái chỉ vào thời cận đại mới

tiếp nhận và dần sử dụng. Theo người Do Thái, đây là khái niệm hàm nghĩa rất rộng, vừa bao hàm truyền thống và lễ nghi tôn giáo vừa có thể miêu thuật về văn minh và phương thức sinh hoạt một cách hoàn chỉnh. Trước đó, trong từ vựng miêu thuật truyền thống tôn giáo của bản thân người Do Thái, có tính quyền năng nhất là từ *Torah*, có nghĩa là dạy bảo, răn cấm. Trước tiên từ này biểu thị quy phạm hành vi và phương cách xử thế mà Thượng Đế đã khai thị, về sau để chỉ "sách truyền cho người Israel thông qua Môisê" tức "*Năm kinh Môisê*" hoặc "*Sách lễ luật*", cũng để chỉ toàn bộ Kinh Thánh, cuối cùng rộng hơn là chỉ luật pháp Do Thái giáo, bao gồm luật thành văn và luật truyền miệng cùng các chú giải, bình luận, vấn đáp có liên quan. Vì thế *Torah* trở thành danh từ thay cho toàn bộ giáo lí, luật pháp, tập tục và nghi lễ. Đến thời hiện đại, từ *Torah* và *Do Thái giáo* trên thực tế có thể thay nhau sử dụng, chỉ còn một số khác biệt nhỏ nhỏ. Trong tư tưởng và sinh hoạt của người Do Thái, *Torah* thay cho phương diện thần thánh và khai thị của Trời, còn Do Thái giáo thì mang một số nội dung nhân văn và hiện thế. Từ *Torah* có đặc trưng vĩnh hằng tĩnh tại, từ *Do Thái giáo* thì có đặc trưng sáng tạo, biến thái.

Trên đây đã nói rõ Do Thái giáo và Kitô giáo tuy thuộc tôn giáo độc thần, nhưng ở rất nhiều phương diện vẫn rất không tương đồng. Cho dù không có lễ nghi bất khả tiếp nhận, Do Thái giáo cũng không thể đơn giản hoá là một hệ thống tín ngưỡng. Ở Do Thái giáo, các chế độ, cơ cấu, lễ bái cầu nguyện, nghi thức, tập tục có hình thức và nội dung phong

phú... Nhưng xuất phát từ tập tục lễ nghi hoặc hiện tượng tôn giáo để lí giải thế nào là Do Thái giáo, vẫn có hai điểm khó khăn không dễ giải quyết: Một là, vấn đề quy mô của người Do Thái. Người Do Thái tản cư các nơi trên thế giới, sống trong điều kiện xã hội và hoàn cảnh văn hoá hoàn toàn khác nhau, đại đa số không hình thành tập thể mang tính khu vực, ở giữa xung quanh là các dân tộc chủ thể phi Do Thái. Ở đây chúng ta gặp không phải là hiện tượng đồng nhất, mà là "các Do Thái giáo" khác nhau hiện rõ sự đa dạng hoá vô hạn. Do Thái giáo, đặc biệt là các nghi lễ của nó ở các khu vực khác nhau, sử dụng hình thức khác nhau, có lúc ở cùng khu vực nhưng cũng không hoàn toàn giống nhau. Chúng ta có thể cảm thấy một số hiện tượng đơn lẻ nào đó có thể gọi là "Do Thái giáo", nhưng chỗ không phù hợp chính là đặc trưng cộng đồng ở mức độ thấp nhất trong tập tục lễ nghi Do Thái giáo ở quy mô thế giới. Hai là, vấn đề định tính hiện tượng. Một số tập tục lễ nghi nào đó của Do Thái giáo, ở một định nghĩa nào đó đều có thể xếp vào "tôn giáo", nhưng người Do Thái vẫn có rất nhiều phương diện khác rất khó định tính. Đối với rất nhiều người Do Thái, đi đứng ăn mặc trong sinh hoạt thường ngày đều liên quan đến luật pháp Do Thái giáo. Khi phân loại tuyển chọn, người ta sẽ lại áp đặt một số thuật ngữ nào đó bắt nguồn từ Kitô giáo cho họ, tìm ra một số hiện tượng nào đó ở Do Thái giáo để coi là đối ứng với Kitô giáo, từ đó dẫn đến sai lầm. Ví dụ, *Hội đường* là vật đối ứng với *Giáo đường*. Thực tế, trong một số quốc gia hiện nay, *Hội đường* đã tương tự như *Giáo đường*. *Rabbi*<sup>(3)</sup> cũng được giả định là đảm nhận rất nhiều chức

năng của chức sắc tôn giáo. Nhưng trong chức năng truyền thống của *Hội đường* và *Rabbi* còn bao hàm một số tác dụng quan trọng mà ở ý nghĩa chuẩn xác của Kitô giáo hoàn toàn không thuộc về tôn giáo. Người ngoài Do Thái giáo nghiên cứu Do Thái giáo, đặc biệt là người quen suy nghĩ bằng thuật ngữ Kitô giáo luôn phải cảnh giác việc đứng sai vị trí văn hoá. Đúng như một nhà nghiên cứu Islam giáo nổi tiếng đã nói, khi miêu thuật, việc sử dụng những thuật ngữ tôn giáo nào đó là khó tránh khỏi, "nhưng những thuật ngữ này coi phạm trù phân tích và tư tưởng phương Tây làm cơ sở, bản thân những phân tích và tư tưởng đó lại chủ yếu là suy diễn từ lịch sử phương Tây. Khi ứng dụng vào tình hình xã hội có nhân tố tổng hợp và phương thức sinh hoạt khác nhau, những thuật ngữ này cùng lắm là có hàm ý tương tự, thậm chí rất có thể dẫn đến hiểu lầm nghiêm trọng"<sup>(4)</sup>. Vì thế, để tránh hiểu sai, chúng ta cần phải dựa vào quan niệm của Do Thái giáo để lí giải Do Thái giáo; Muốn lí giải Do Thái giáo, ngoài tín ngưỡng ra, còn cần phải nghiên cứu mối quan hệ đặc thù của nó với dân tộc Do Thái, diễn tiến lịch sử và sự tự lí giải của nó.

\*

\*            \*

Do Thái giáo là tôn giáo mang tên dân tộc, điều hiếm thấy trong các tôn giáo nổi tiếng trên thế giới. Định nghĩa hàm ý đây là tôn giáo độc thân mà người Do Thái tin theo. Dân Tộc Do Thái mang theo tín ngưỡng tôn giáo độc thân của mình bước lên vũ đài lịch sử lúc nhá nhem sớm tối. Trong lịch sử lâu dài sau đó, Do Thái giáo và lịch sử dân tộc Do Thái gắn kết không

thể tách rời. Từ cơ sở giáo lí đến các ngày lễ tôn giáo, Do Thái giáo luôn là tôn giáo gộp quan niệm tôn giáo và quan niệm dân tộc làm một. Vì thế trong "*Tìm kiếm người Do Thái ở bản thân*", R. C. Hertz nhấn mạnh: "Do Thái giáo là tôn giáo dân tộc, đây là định nghĩa cơ bản nhất mà triết học tôn giáo của chúng ta đưa ra"<sup>(5)</sup>.

Do Thái giáo là tôn giáo của dân tộc Do Thái, dân tộc Do Thái chính là tín đồ của Do Thái giáo. Trong lịch sử, có ba tên gọi thay cho cùng một dân tộc, được coi là từ đồng nghĩa được thay nhau sử dụng, nhưng mỗi tên gọi có số phận lịch sử và hàm nghĩa khác nhau. Trước hết cần khảo sát sơ bộ. Ba tên gọi này là *người Hêbrơ*, *người Israel* và *người Do Thái*. Trong đó xuất hiện sớm nhất là *Người Hêbrơ*. Trong Kinh Thánh, người Hêbrơ là hậu duệ của E-bơ (*Sáng Thế kí* 10:24). Abraham từng gọi "E-bơ người Hêbrơ" (*Sáng Thế kí*, 14:13). Con cháu của Jacob, cháu Abraham cũng tự xưng là người Hêbrơ để phân biệt với dân tộc khác (*Sáng Thế kí* 40:15; *Giô-na* 1:9). Khi người Ai Cập nhắc đến con cháu của Jacob (*Sáng Thế kí*, 39:14,17), khi Môisê nhắc đến họ (*Xuất hành*, 2:110) đều gọi là người Hêbrơ. Theo khảo chứng của các học giả, "ever, từ gốc của từ *Người Hêbrơ* ('Ivrim) có nghĩa là "bờ bên kia", "qua sông", là chỉ vùng bên kia Jordan hoặc người từ bên kia vượt sông Euphrates mà tới. Kinh Thánh chép rằng Abraham vốn ở "vùng UR xứ Chaldee", Đấng Sáng Thế

3. Rabbi - Chức sắc chấp hành giáo quy, luật pháp và chủ trì nghi thức tôn giáo, (N đ).

4. B. Lewis. *Người Ả-rập trong lịch sử*. Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, 1979, tr. 15.

5. R.C. Hertz. *The American Jew in search of Himself*, p. 20.

nói với ông ta: con cần rời gia đình quê hương bản quán, đi tới vùng đất ta chỉ cho con. Ta sẽ để cho các con trở thành nước lớn, ta sẽ ban phúc cho các con, để tên con trở thành vĩ đại, con cũng phải để cho người khác có được hạnh phúc". Gia tộc Abraham xuất phát từ UR, vượt qua sông Euphrates tới Canaan, tức vùng đất hứa của Đấng Sáng Thế. Người Canaan vùng đó cũng gọi họ là người từ bên kia vượt sông sang, tức người Hêbrơ. Gần đây trong phát hiện khảo cổ học ở Trung Đông có một số người gọi là "Habirw", có lẽ là một số dân tộc bán du mục quy mô nhỏ, sống ven vùng xã hội định cư, có địa vị xã hội thấp, thường bị lệ thuộc vào kẻ thống trị trong vùng. Điều này phù hợp với tình hình sinh hoạt của các tộc trưởng tảo kì Abraham, Isaac và Jacob, cũng thích hợp khi mô tả địa vị xã hội của người Hêbrơ ở Ai Cập thời kì Môisê. Tóm lại những tộc trưởng sớm nhất là người Hêbrơ, người Hêbrơ tôn thờ Đấng Sáng Thế của các tộc trưởng. Đấng Sáng Thế của các tộc trưởng cũng nhiều lần tự xưng là "Đấng Sáng Thế của người Hêbrơ" (*Xuất hành* 3:18; 7:16; 10:3), người Hêbrơ là tín đồ sớm nhất.

Tên gọi người Israel có từ cháu của Abraham là Jacob. Kinh Thánh chép, dọc đường Jacob dắt vợ con quay về Canaan, trú đêm ở bến sông Giáp Bốc vùng Phénicie, độ sức với thiên sứ cho đến sáng, thiên sứ nói: Tên của người không nên gọi là Jacob nữa, phải gọi là Israel, nghĩa là "người độ sức với thần và giành chiến thắng"...

Do Thái giáo truy nguồn gốc của mình đến Abraham, là thủy tổ của dân tộc Do Thái. Theo ghi chép của Kinh Thánh,

Abraham là người đầu tiên lĩnh hội một cách độc lập quan niệm độc thần, giao ước giữa Đấng Sáng Thế với ông ta cũng nói: "Abraham cần phải trở thành nước lớn mạnh, muôn nước trên trần thế đều cần dựa vào ông ta để có phúc. Ta quan tâm đến anh ta là vì muốn sai anh ta bảo ban con cái của anh ta và người thân của anh ta, làm theo đạo của ta, nắm phép công làm việc nghĩa" (*Sáng Thế kí* 18:19). Từ Abraham trở đi giữa dân tộc Do Thái và Thượng Đế đã xác lập mối quan hệ đặc thù. Sau đó đã nảy sinh hai sự kiện có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự phát triển lịch sử của dân tộc Do Thái và Do Thái giáo. Dân tộc Do Thái đi khỏi Ai Cập để thoát khỏi cảnh nô lệ và bắt đầu hình thành dân tộc nhà nước; nhận lấy Torah của Thượng Đế ban cho ở trên núi Xinaï, tức là luật pháp chỉ đạo dân tộc Do Thái. Sau khi Môisê tuân theo ý muốn của Đấng Sáng Thế, dẫn người Do Thái chạy khỏi Ai Cập, tập hợp toàn thể người Do Thái dưới núi Xinaï, xác nhận tập thể giao ước giữa tổ tiên với Đấng Sáng Thế, xác định mối quan hệ đặc thù giữa dân tộc Do Thái với Đấng Sáng Thế và đảm bảo muôn đời con cháu làm theo không sai lầm. Trước khi Môisê lâm chung đã nhắc lại lần nữa với toàn dân tộc: vì người theo Đấng Sáng Thế Jehova làm dân thiêng, Jehova tuyển chọn người từ trong muôn dân trên trần thế làm con dân của mình" (*Đệ nhị luật* 14:2). Hai sự kiện này có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của Do Thái giáo. Việc lập giao ước giữa dân tộc Do Thái với Đấng Sáng Thế và việc trở thành dân tộc được Đấng Sáng Thế lựa chọn là hạt nhân giáo lí của Do Thái giáo được định hình từ đó. Vì đây không phải chỉ là đại biểu của dân



tộc Do Thái nhận lời hứa mà cả tập thể dân tộc Do Thái nhận lời hứa. Đây là giao ước thần thánh vĩnh viễn không bị loại bỏ, đối với đời đời kiếp kiếp dân tộc Do Thái, đối với mỗi một thành viên nó đều có sức ràng buộc. Mỗi một cá nhân theo Do Thái giáo, cũng chính là gia nhập dân tộc Do Thái, làm một thành viên của họ, tuân thủ giao ước với Đấng Sáng Thế, "Từ sau khi lưu tán, người Do Thái đã mất nhà cửa, nhưng họ vẫn giữ được đặc tính cộng đồng và quan hệ xã hội qua lại; Do Thái giáo là tôn giáo của dân tộc, người Do Thái là dân tộc của một tôn giáo, họ trước hết là sự tự quan niệm người Do Thái truyền thống, hơn nữa cũng từ thể thống nhất tôn giáo xã hội hình thành từ nhân tố lịch sử tương đối hữu hạn"<sup>(6)</sup>. Trong sự phát triển lịch sử, Do Thái giáo không trở thành tôn giáo đa dân tộc trên ý nghĩa thông thường. Trái lại thân phận phái thiểu số luôn là số phận chung của người Do Thái ở các nơi, đồng thời cũng trở thành một câu nổi khác giữ mối liên hệ giữa họ. Truyền thống của người Do Thái luôn luôn duy trì được dân tộc Do Thái cho đến thời hiện tại. Vì thế giữa Do Thái giáo và dân tộc Do Thái hình thành mối liên hệ chặt chẽ máu thịt...

\*

\*            \*

Mặc dù Do Thái giáo có tính dân tộc nổi bật, nhưng giáo lí của nó vẫn có tính phổ quát rõ rệt. Do Thái giáo là một tôn giáo phổ quát tin tưởng toàn thể loài người sẽ được cứu rỗi. Do Thái giáo coi bản thân mình là tôn giáo thế giới, tôn thờ Đấng Sáng Thế độc nhất, chúa tể của lịch sử và loài người, vì thế luật pháp của

Đấng Sáng Thế thích hợp với toàn thể nhân loại. Nhưng Do Thái giáo đưa ra sự phân biệt giữa người Do Thái và người phi Do Thái. Yêu cầu người Do Thái phải tuân thủ giới luật của Kinh Thánh, tức là 613 điều luật cuối cùng được Rabbi xác nhận, còn người phi Do Thái chỉ cần tuân theo 7 điều "Luật Noah" ban bố sau nạn hồng thủy, tức là lập toà án bằng hội nghị mở rộng, cấm khinh nhờn Đấng Sáng Thế, sùng bái ngẫu tượng, gian dâm giết người, trộm cắp, cấm ăn món thịt cắt trên thân động vật còn sống. Người phi Do Thái tuân theo 7 điều luật này cũng như người Do Thái tuân theo toàn bộ luật Do Thái đều được coi là người chính nghĩa. Vì thế sau khi xây xong đền thờ Jerusalem vua Israel Salomon khi hiến tế đã cầu nguyện với Đấng Sáng Thế rằng: "Nói đến người ngoại bang không thuộc dân Israel của Ngài, vì danh Ngài mà từ phương xa tới, cầu khẩn ở đền này, mong ngài ở trên trời lắng nghe" (*Các vua* 8:41-43). Đấng Sáng Thế tạo trời đất muôn loài, dùng sự công bằng và nhân từ để thống trị thế giới và các dân tộc, các dân tộc dựa vào hành vi của bản thân mà chịu phán xét của Ngài, nếu tuân thủ lời răn và luật pháp của Ngài, đều sẽ được cứu chuộc. Trong Kinh Thánh Đấng Sáng Thế nói: "Người Israel kia! Ta há chẳng thấy người như người Cút hay người Philitin ra khỏi Cápto và người Aram ra khỏi Kia hay sao" (*Amốt* 9:7). Tiên tri Giôna vâng mệnh Ngài đi đến kinh đô Nineveh của Assyrie cảnh cáo với cư dân Nineveh thông thành hối cải, "Ngài truyền ý không nổi giận để tránh tai hoạ

6. R.M. Seltzer. *Jewish People, Jewish Thought*, New York, 1980, tr. 332.

bị lật đổ (*Giôna* 3:4-10). Người Chính nghĩa Gióp mà Ngài nhiều lần thử thách phải là một người Arập. Từ đó suy đoán, đền thờ Jerusalem mở cửa cho các dân tộc, cho phép họ hiến tế và cầu khẩn Ngài, ít ra cũng cho phép ở mặt giáo lí. Người Do Thái khác với các dân tộc khác là ở chỗ họ lập giao ước với Đấng Sáng Thế. Trong kế hoạch chu toàn Ngài cứu vớt loài người, dân tộc Do Thái thế nào cũng muốn dẫn đến một tác dụng đã định. Thượng Đế nói: "Người làm nô bộc cho ta, giúp cho các chi phái Jacob phục hưng, giúp cho Israel được trở về toàn vẹn, vẫn là việc nhỏ. Ta còn muốn sai người làm về vang cho người ngoại bang, để người đem ơn cứu chuộc của ta đến tận cùng cõi đất" (*Isaiah* 49:6). Chính ở ý nghĩa này, người Do Thái tự cho mình là dân tộc được lựa chọn, tức là được lựa chọn vì sứ mệnh thần thánh mà họ gánh vác. Sự lựa chọn này chỉ là đảm nhận trách nhiệm chuyên trách mà không được hưởng bất cứ đặc ân nào, chỉ là dựa vào các nghĩa vụ mà thi hành, không có nghĩa là được ban cho tài năng hoặc mã đức nào đặc biệt. Sự thiêng liêng và về vang chỉ có thể coi là sự báo đáp cho sứ mệnh được hoàn thành trung thực, mà không phải là đặc quyền ban cho dân tộc Do Thái một cách vô điều kiện. Nếu thất bại hoặc bội ước, dân tộc Do Thái sẽ bị lôi đến trừng trị, chịu tai họa. Ngài sẽ ra lệnh cho tiên tri Amốt tuyên bố: "Do trong tất cả các dân tộc trên thế giới ta chỉ chọn các người, vì thế ta cần trị tội các người" (*Amốt* 3:2). Ở đây sự phục hưng của dân tộc Do Thái và trở về đất Israel chỉ là một phần không thể tách rời trong kế hoạch cứu chuộc loài người, mà sứ mệnh lớn hơn

là dân tộc Do Thái "làm về vang cho người ngoại bang", thi hành "ơn cứu chuộc" của Ngài. Tính dân tộc và tính phổ quát của Do Thái giáo, ở điểm này không những không bị mâu thuẫn mà còn thống nhất với nhau. Thậm chí có vị rabbi cho rằng, sự lưu tán của dân tộc Do Thái không phải là sự trừng phạt đối với người Israel cổ đại mà là then chốt để họ truyền bá ý chỉ của Đấng Sáng Thế đến các dân tộc. Để trung thành với sứ mệnh này họ vẫn phải chịu khổ nạn, chịu tủ nhục, chịu bức hại cho đến chết. Từ ý nghĩa này, việc dân tộc Do Thái được lựa chọn hàm chứa không phải là *Thuyết ân sủng thần thánh đặc biệt* mà là *Thuyết cứu chuộc phổ quát*. Khi thực hiện sứ mệnh này, ở mức độ nhất định, họ luôn thể hiện ở hai "tôn giáo chị em" của mình là Kitô giáo và Islam giáo, quan niệm vũ trụ chỉ có một thần đã truyền khắp thế giới. Cuối cùng, khi "ngàn năm hạnh phúc" đến như các tiên tri dự báo, toàn thế giới sẽ ca ngợi Israel và Đấng Sáng Thế của họ, "ngày tận thế, ngọn núi ở đền thờ Jêhova sẽ đứng vững, vượt lên các núi khác, vươn cao tới hơn muôn ngọn, muôn dân đều muốn đổ về núi này... Người sẽ thi hành phán xét cho các quốc gia, cho muôn dân, họ sẽ đúc gươm thành cuộc thành cày, rèn giáo mác nên liềm nên hái, nước này không còn vung kiếm đánh nước kia, và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến. Hỡi nhà Jacob! hãy đến đây, ta cùng bước trong ánh hào quang của Ngài" (*Isaiah* 2:2-5)...

Thời kì cận đại đến nay, cùng với sự kiến lập nhà nước dân tộc hiện đại, sự phân tách dân tộc với tôn giáo không chỉ là chuyện có thể, mà còn trở thành xu

thế. Người Do Thái bước ra khỏi khu vực cách li của mình, đối mặt với một xã hội mở, không ít người đã vứt bỏ mối liên hệ tôn giáo và dân tộc truyền thống. Nhưng trong biến động xã hội sâu sắc, tuyệt đại đa số người Do Thái cự tuyệt việc bị đồng hoá, ở những mức độ khác nhau họ luôn giữ gìn lòng thành kính đối với Do Thái giáo và dân tộc Do Thái. Các chi phái khác nhau của Do Thái giáo tồn tại sự chia rẽ ở mặt giải thích về tôn giáo và dân tộc, còn ở Israel lại nảy sinh xung đột với quan niệm thế tục của nhà nước dân tộc hiện đại. Nước Israel sau khi được thành lập, vào năm 1950 đã thông qua tuyên bố "Luật trở về", tất cả người Do Thái đều được hưởng quyền lợi di cư tới Israel. Sau khi hàng loạt người dân Ba Lan đến Israel vào năm 1956 và 1957, người ta phát hiện có rất nhiều gia đình hôn nhân hỗn hợp, vợ là người phi Do Thái. Như vậy, từ việc con cái của họ có thể đăng kí trở thành người Do Thái được không, đã dẫn đến một cuộc tranh cãi và đưa tới nguy cơ nội các năm 1958. Thủ tướng Kurian đã trưng cầu ý kiến của 50 vị học giả quan trọng trên toàn thế giới: Người như thế nào là người Do Thái? Tuyệt đại đa số trả lời thừa nhận mối liên hệ mật thiết giữa tôn giáo và dân tộc, cho rằng chỉ ít trước mắt nên duy trì định nghĩa của luật pháp Do Thái giáo. Năm 1962, một người Do Thái Ba Lan cải theo Kitô giáo, sau khi di cư sang Israel yêu cầu đăng kí trở thành người Do Thái, nhưng bị từ chối. Tòa án phán quyết: Người Do Thái cải theo Kitô giáo không thể làm người Do Thái lần nữa. Một vị khác là thiếu tá hải quân Israel vì có vợ là người phi Do Thái, khi muốn đăng kí cho vợ thành người Do Thái cũng bị từ

chối. Anh ta đâm đơn kiện, tòa án phán quyết: Nên dựa theo ý muốn cha mẹ đăng kí thành người Do Thái. Năm 1970, dưới áp lực của chính đảng tôn giáo, "Luật trở về" đưa ra giải thích về người như thế nào là người Do Thái: Người do cha mẹ người Do Thái sinh ra hoặc đã theo Do Thái giáo mà không thuộc bất kì tôn giáo nào khác. Nhưng vấn đề hoàn toàn chưa được giải quyết, do đó tranh luận nổ ra từ Israel lan đến các vùng tản cư ở nước ngoài. Từ đó có thể thấy rằng, một mặt Do Thái giáo cùng có đặc tính tôn giáo và dân tộc, có sự không tương dung giữa nhà nước hiện đại với khái niệm "dân tộc" và "tôn giáo", các phái Do Thái hiện đại tồn tại phân rẽ sâu sắc đối với bản chất của tính dân tộc Do Thái. Một mặt khác, nỗ lực của nhà nước hiện đại khi phân tách dân tộc và tôn giáo ở Israel đã gặp phải trở ngại vô hình rất lớn, hơn nữa lại khiến cho Israel ngày càng giống như một nhà nước nửa thần quyền nửa thế tục, giữa chính trị và tôn giáo tách rời với chính trị và tôn giáo hợp nhất. Vì thế, "Tách khỏi Do Thái giáo để suy nghĩ về Chủ nghĩa phục quốc và tách khỏi hai loại tư tưởng này để suy nghĩ về Israel - chỉ ít căn cứ theo tình hình hiện nay của nước này, đều là việc không thể"<sup>(7)</sup>. Mà căn nguyên chính của nó chính là ở truyền thống tôn giáo và dân tộc bất khả phân cắt trong Do Thái giáo./

**Người dịch: Trần Anh Đào**

7. *Tư tưởng chính trị và xã hội Trung Đông đương đại*. Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, 1992, tr. 362.